

Bản án số: 323/2026/DS-ST

Ngày: 11-5-2026

V/v “*Tranh chấp lối đi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ ông Dương Minh Ngọc

+ ông Lê Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Kiều Hoanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2024/TLST - DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp lối đi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Bùi Văn A, sinh năm: 1980; trú tại: thôn Phái N, xã Núi T, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

Bị đơn: ông Nguyễn L, sinh năm: 1952; trú tại: thôn Phú Quý X, xã Tam M, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H; sinh năm: 1982; trú tại: thôn Phú Quý X, xã Tam M, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1986; trú tại: Thôn Phái N, xã Núi T, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

+ Bà Ngô Thị S, sinh năm: 1951; trú tại: Phú Quý 3, xã Tam M, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin vắng mặt).

+ Ủy ban nhân dân xã Tam M, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Thôn Tịnh Sơn, xã Tam M, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quang Thạnh; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Như Nghĩa; chức vụ: Trưởng phòng- phòng kinh tế xã Tam Mỹ (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bùi Văn A trình bày: ông Bùi Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 684610 ngày 13/6/2017 tại thửa đất số 946, tờ bản đồ số 5, diện tích 747,1 m², loại đất trồng cây lâu năm tại thôn Phú Quý X, xã Tam M Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (cũ), có đường đi vào thửa đất của ông được cấp giấy chứng nhận, nhưng ông Nguyễn L cho rằng đường đi là của gia đình ông Liệu. Ngày 03/12/2023, ông Nguyễn L đã xây dựng tường rào gạch bịt kín lối đi vào thửa đất của ông vị trí tọa độ từ điểm 8 đến điểm 9, không cho ông đi vào thửa đất của mình.

Theo đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn L không cản trở, tháo dỡ tường rào gạch đã xây từ vị trí tọa độ từ điểm 8 đến điểm 9; cho nguyên đơn có lối đi vào thửa đất của mình đối với 02 vị trí tranh chấp là 82,7 m² và 17,5 m² theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/03/2025.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng: nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của gia đình ông Nguyễn L có từ trước năm 1975, vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 514637 do UBND huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp ngày 18/7/2007, số vào sổ H 03352 tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 1508 m², loại đất ở và đất trồng cây lâu năm. Đến ngày 08/10/2025 ông Nguyễn L và bà Ngô Thị S được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02980329 tại thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 66, diện tích 1.508 m²; địa chỉ thửa đất tại thôn Phú Quý 3, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng. Phần diện tích đất của ông và đường đi vào thửa đất cũng do ông bà ông để lại, năm 2014 ông đã tự đổ bê tông phần đường đi vào thửa đất, bờ tường ông xây nằm trên đất của ông, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: bà thống nhất với ý kiến trình bày của chồng bà là ông Bùi Văn A, yêu cầu bị đơn ông Nguyễn L không cản trở, tháo dỡ tường rào gạch đã xây từ vị trí tọa độ từ điểm 8 đến điểm 9; cho nguyên đơn có lối đi vào thửa đất đối với 02 vị trí tranh chấp là 82,7 m² và 17,5 m² theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/03/2025.

- Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị S trình bày: bà thống nhất với ý kiến trình bày của chồng bà là ông Nguyễn L, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đường đi nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà.

- Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân xã Tam M có các văn bản trình bày như sau: theo nội dung Công văn phúc đáp số 621/UBND-KT ngày 11/12/2025: “..vị trí tranh chấp 82,7 m² và 17,5 m² theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực

XIII lập ngày 15/10/2025 thể hiện diện tích đất này là đường đi; hiện trạng được ông Nguyễn L đổ bê tông làm lối đi vào nhà. Ông Nguyễn L và bà Ngô Thị S được UBND huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 514637 ngày 18/7/2007 tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 1508 m². Đến ngày 08/10/2025 ông Nguyễn L và bà Ngô Thị S được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02980329 tại thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 66, diện tích 1.508 m²; địa chỉ thửa đất tại thôn Phú Quý 3, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng. Theo Giấy chứng nhận thể hiện ông Nguyễn L và bà Ngô Thị S không được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 82,7 m² và 17,5 m² đường đi nêu trên. Ngoài vị trí đất ông Bùi Văn A yêu cầu ông Nguyễn L tháo dỡ thì không có vị trí đất nào khác thuận tiện hơn trong việc ông Bùi Văn A yêu cầu mở lối đi”.

Công văn số 155/UBND-KT ngày 04 tháng 3 năm 2026: “Vị trí diện tích đất tranh chấp 82,7 m² và 17,5 m², tại thôn Phú Quý X, xã Tam M, thành phố Đà Nẵng theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai khu vực XIII lập ngày 15/10/2025 thể hiện hiện trạng diện tích đất này là đường đi do ông Nguyễn L đổ bê tông làm lối đi vào nhà.

Theo hồ sơ 299/TTg thì vị trí trên thuộc thửa đất số 306 và thửa đất số 307, tờ bản đồ số 03 nhưng không xác định vị trí đất tranh chấp (đường đi) nguồn gốc sử dụng của ai, do ai kê khai, đăng ký (Thửa đất số 306 và thửa đất số 307, tờ bản đồ số 03 đo bao, gồm nhiều chủ sử dụng đất; ông Nguyễn L đứng tên chủ sử dụng tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 03, diện tích 954m², loại đất T).

Theo hồ sơ 64/CP thì vị trí đất tranh chấp (đường đi) thuộc tờ bản đồ số 11, thuộc đất đường đi, không ai kê khai (cụ thể thể hiện tại sơ đồ thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 514637 do UBND huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp ngày 18/7/2007 cho ông Nguyễn L và bà Ngô Thị S).

- Hiện nay diện tích đất tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân hay tổ chức nào.”

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: các bản sao các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản sao hồ sơ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất liên quan đến diện tích đất tranh chấp; biên bản hòa giải tranh chấp; các lời trình bày, lời khai của đương sự; văn bản trả lời của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương; kết quả thu thập chứng cứ, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản do Tòa án thực hiện; biên bản công khai chứng cứ và hòa giải; thủ tục tố tụng tại Tòa án và các tài liệu liên quan khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng có quan điểm như sau: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp lối đi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn ông Bùi Văn A yêu cầu bị đơn ông Nguyễn L không cản trở, tháo dỡ tường rào gạch đã xây bịt lối đi vào thửa đất của nguyên đơn nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp lối đi*” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; diện tích đất tranh chấp tại xã Tam Mỹ, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng.

[1.2] Do khởi kiện, nguyên đơn chưa đo đạc cụ thể, chỉ mang tính ước lượng nên khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 82,7 m² và 17,5 m², ông thống nhất với kết quả đo đạc tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày ngày 20/03/2025 là phù hợp với biên bản hoà giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ Đông (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[1.3]. Nguyên đơn đồng ý sử dụng kết quả định giá do Tòa án thực hiện ngày 20/03/2025, bị đơn không yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải tiến hành thủ tục định giá lại.

[1.4]. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Bùi Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn L không cản trở lối đi và tháo dỡ tường rào gạch đã xây từ vị trí tọa độ từ điểm 8 đến điểm 9 cho nguyên đơn có lối đi vào thửa đất số 946, tờ bản đồ số 05, diện tích 747,1 m², loại đất trồng cây lâu năm được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 684610 ngày 13/6/2017 tại thôn Phú Quý X, xã Tam M Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (cũ) cho vợ chồng ông cụ thể đối với 02 vị trí tranh chấp là 82,7 m² và 17,5 m². Bị đơn ông Nguyễn L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng lối đi là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Bùi Văn A và bà Nguyễn Thị Bích L được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 684610 ngày 13/6/2017 tại thửa đất số 946, tờ bản đồ số 5, diện tích 747,1 m², loại đất trồng cây lâu năm tại thôn Phú Quý X, xã Tam M Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (cũ). Ông Nguyễn L và bà Ngô Thị S được Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 514637 ngày 18/7/2007 tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11, diện tích 1508 m². Đến ngày 08/10/2025 ông Nguyễn L và bà Ngô Thị S được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02980329 tại thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 66, diện tích 1.508 m²; địa chỉ thửa đất tại thôn Phú Quý 3, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/03/2025 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vị trí đất tranh chấp được xác định là đường đi, hiện trạng được bị đơn ông Nguyễn L đổ bê tông làm lối đi vào nhà theo nội dung Công văn phúc đáp số 621/UBND-KT ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ: “*..vị trí tranh chấp 82,7 m² và 17,5 m² theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XIII lập ngày 15/10/2025 thể hiện diện tích đất này là đường đi;*

hiện trạng được ông Nguyễn L đổ bê tông làm lối đi vào nhà. Theo Giấy chứng nhận thể hiện ông Nguyễn L và bà Ngô Thị S không được cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 82,7 m² và 17,5 m² đường đi nêu trên. Ngoài vị trí đất ông Bùi Văn A yêu cầu ông Nguyễn L tháo dỡ thì không có vị trí đất nào khác thuận tiện hơn trong việc ông Bùi Văn A yêu cầu mở lối đi”.

Căn cứ theo nội dung Công văn số 155/UBND-KT ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Tam M cung cấp thông tin về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp thể hiện: “...Theo hồ sơ 299/TTg thì vị trí trên thuộc thửa đất số 306 và thửa đất số 307, tờ bản đồ số 03 nhưng không xác định vị trí đất tranh chấp (đường đi) nguồn gốc sử dụng của ai, do ai kê khai, đăng ký (Thửa đất số 306 và thửa đất số 307, tờ bản đồ số 03 đo bao, gồm nhiều chủ sử dụng đất; ông Nguyễn L đứng tên chủ sử dụng tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 03, diện tích 954m², loại đất T). Theo hồ sơ 64/CP thì vị trí đất tranh chấp (đường đi) thuộc tờ bản đồ số 11, thuộc đất đường đi, không ai kê khai ...Hiện nay diện tích đất tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân hay tổ chức nào.”

Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2026 tại Ủy ban nhân dân xã Tam M: “diện tích đất tranh chấp này là đường đi do Nhà nước quản lý mà trực tiếp là Ủy ban nhân dân xã Tam M quản lý, Ủy ban nhân dân xã đồng ý cho công dân được sử dụng con đường đi theo hiện trạng, không được coi nói, hay lấn chiếm”.

Ngoài ra, căn cứ biên bản hòa giải đất đai ngày 01/02/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Tam M Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (cũ) kết luận: phía Nam thửa đất số 946, tờ bản đồ số 05 của ông Bùi Văn A giáp đường đi và giáp thửa đất 1043, tờ bản đồ số 05 của ông Nguyễn L. Phía bắc thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 05 của ông Nguyễn L giáp đường đi và giáp thửa 946, tờ bản đồ số 05 của ông Bùi Văn A. Đường đi của hai thửa đất đã hình thành từ lâu, thể hiện rõ trong hồ sơ ND 64/CP và thể hiện trên sơ đồ thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 hộ gia đình. Ngày 03/12/2023 ông Nguyễn L xây dựng tường rào khi chưa có sự thống nhất với ông Bùi Văn A và làm hạn chế quyền sử dụng đất của ông Anh.

Từ những nhận định trên phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa chính và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất của nguyên đơn không có lối đi hợp lý khác đảm bảo điều kiện đi lại thuận lợi nhất vào thửa đất, việc sử dụng lối đi tranh chấp là nhu cầu thực tế, chính đáng đồng thời không gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Việc bị đơn xây dựng tường rào gạch ngăn không cho nguyên đơn sử dụng là hành vi cản trở trái pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở, tháo dỡ tường rào xây gạch từ vị trí tọa độ 08 đến 09 và bảo đảm cho nguyên đơn được sử dụng lối đi theo đúng hiện trạng.

Về kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản: diện tích đất hai vị trí tranh chấp 82,7 m² và 17,5 m² có tổng giá trị 2.905.800 đồng. Tài sản trên đất tranh chấp gồm đường bê tông xi măng khối lượng 9,72 m³ có giá trị 8.608.032 đồng; tường rào xây gạch khối lượng 0,85 m³ có giá trị 1.338.240 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 12.852.072 đồng.

Do bị đơn tự xây dựng đường bê tông xi măng và tường rào xây gạch nên không được bồi thường.

[2.3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

[2.3.1] Án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn do là người cao tuổi và có đơn xin miễn.

[2.3.2] Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản: là 5.000.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 157, 165, 227, 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 197; 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12; 166; 170; 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Văn A buộc bị đơn ông Nguyễn L chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất làm lối đi, tháo dỡ tường rào xây gạch từ vị trí tọa độ 08 đến điểm số 09 để cho nguyên đơn sử dụng làm lối đi chung đối với 02 vị trí tranh chấp là 82,7 m² và 17,5 m² theo Phiếu đo đạc chính lý thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XIII lập ngày 15/10/2025 (vị trí, tứ cận diện tích đất thuộc lối đi tranh chấp được thể hiện trên bản vẽ kèm theo bản án).

2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn L được miễn.

2.2. Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là 5.000.000 đ (năm triệu đồng), nguyên đơn ông Bùi Văn A tự nguyện chịu.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 5- Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Trinh

